TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2023
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Trần Văn Nhị

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 331/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15/11/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112a/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp BT, xã TL, huyện Y, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Hồng Ph, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp 4, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Ph vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ông và bà Ph có tổ chức lễ cưới năm 2000 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2002 ngày 01/7/2002. Thời gian đầu vợ chồng ông sống hòa thuận. Đến năm 2012, vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được, tình cảm không còn mặn mà, thường hay cãi nhau, đã ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy cuộc hôn nhân của ông với bà Ph không thể hàn gắn được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện X giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ph.

Về con chung: Ông và bà Ph có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Ch, sinh năm 2001 (đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 25/10/2005. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng Trúc M, không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Dương Thị Hồng Ph trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của ông T , cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Dương Thị Hồng Ph. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Dương Thị Hồng Ph vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Bà Ph vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T . Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

Căn cứ lời trình bày của ông T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông T và bà Ph được pháp luật công nhận là vợ chồng. Ông bà đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hôn nhân của ông T và bà Ph đã không có tiếng nói chung, không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay ông T kiên quyết xin ly hôn. Bà Ph không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân và vắng mặt suốt quá

trình giải quyết vụ án thể hiện bà Ph không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với ông T . Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Ông T xác định ông và bà Ph có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Ch, sinh năm 2001 (đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 25/10/2005. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng Trúc M, không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trúc M hiện đang được ông T nuôi dưỡng và có nguyện vọng sống chung với ông T . Bà Ph không có phản đối do đó giao Nguyễn Thị Trúc Mai cho ông T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà Ph được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung: Ông T xác định ông và bà Ph không có nợ chung và cho đến nay không có ai khởi kiện về việc nợ chung của vợ chồng ông T và bà Ph nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Ông T xác định không có. Bà Ph không có phản hồi về phần tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Bà Ph không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc "Ly hôn" đối với bà Dương Thị Hồng Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Dương Thị Hồng Ph.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Hồng Ph có 02 con chung Nguyễn Thị Hồng Ch và Nguyễn Thị Trúc M.

Con chung Nguyễn Thị Hồng Ch, sinh năm 2001 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần. Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 25/10/2005 cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Bà Dương Thị Hồng Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Văn T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng bà Dương Thị Hồng Ph được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002744, ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

Bà Dương Thị Hồng Ph không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện X;
- CCTHADS huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã MA;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng